

ĐẠI HỌC TỔNG HỢP HÀ NỘI

TẠP CHÍ KHOA HỌC No 3 + 4 - 1992

THỰC TIỄN - MỘT TRONG NHỮNG CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT Ở HỒ CHÍ MINH

(Đặt vấn đề nghiên cứu)

PHẠM XANH *

Thực tiễn đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong hoạt động tư duy của con người. Các nhà tư tưởng, đặc biệt là V. I Lênin, đã chỉ ra một cách đúng đắn vị trí, vai trò của thực tiễn trong hoạt động sáng tạo của con người. Nếu như quá trình hoạt động tư duy của con người bao gồm 3 chặng liên quan mật thiết với nhau thì thực tiễn có mặt ở vị trí đầu ở cuối của quá trình thống nhất, không đứt đoạn đó. Và như vậy, có thể nói *thực tiễn là điểm xuất phát và là thước đo mọi ý tưởng của con người*. Tất nhiên góp vào sự hình thành một tư tưởng không chỉ có thực tiễn, mà còn có những yếu tố khác nữa, chẳng hạn như sự kế thừa các tư tưởng cùng loại của những người đi trước (mà chúng ta thường gọi là cơ sở lý luận). Trong bài này chúng tôi xin mạnh dạn *đặt ra một số vấn đề để tiến hành nghiên cứu thực tiễn với tư cách là một thành tố tạo nên tư tưởng đại đoàn kết ở Hồ Chí Minh*.

* * *

Trước hết là xác định nội dung của khái niệm thực tiễn liên quan tới vấn đề nghiên cứu ở đây. Có thể có ba nội dung lớn: thực tiễn của đất nước và của thế giới lúc đó và hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh trong việc tìm kiếm, thử nghiệm các ý tưởng liên quan. Để tiện cho việc theo dõi, chúng tôi xin lần lượt trình bày theo những nội dung trên.

1. Một trong những chính sách căn bản, xuyên suốt là chính sách *chia để trị* của thực dân Pháp ở Việt Nam. Cũng phải nói rằng chính sách đó không phải là sản phẩm của riêng thực dân Pháp, mà là một chính sách cổ điển của chế độ thực dân nói chung. Nó có nguồn gốc từ thời La mã cổ đại, tiếng la tinh là *divita et impera* (chia và trị) với tư cách là một nguyên tắc cai trị. Sau này, khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc,

(+) Phó tiến sĩ, Khoa lịch sử Đại học Tổng hợp Hà Nội

nguyên tắc đó được áp dụng và thực thi như một chính sách. Chẳng hạn, thực dân Anh cũng đã thực hiện nguyên tắc đó trong cuộc chinh phục và thống trị đất nước Ấn độ (C. Mác đã viết bài lên án chính sách này của thực dân Anh, xin xem: Mác, Anghen - *Toàn tập*, tập 12, trang 240, tiếng Nga). Có khác chăng là trong những năm làm mưa làm gió của chủ nghĩa đế quốc, nguyên tắc chia và trị của đế quốc La mã cổ đại đã được hoàn thiện hơn, được nâng lên thành một chính sách, một nghệ thuật và được sử dụng trên quy mô toàn cầu với những biểu dạng khác nhau tùy theo đặc điểm của nước thống trị và nước bị trị. Cũng như những kẻ cùng hội cùng thuyền khác, thực dân Pháp đã sử dụng nguyên tắc này ngay từ đầu chinh phục nước ta. Và khai thác triệt để nó bằng cách biến thành một chính sách, một nghệ thuật ở giai đoạn duy trì sự thống trị của chúng. Bằng sắc lệnh của Tổng thống Pháp ngày 17-10-1887 *Liên bang Đông Dương* ra đời gồm Việt Nam, Campuchia, Lào (1899), Quảng Châu Loan (từ 1900). Từ đó, nước ta bị xóa tên trên bản đồ chính trị thế giới - Nước Việt Nam thống nhất từ Lạng sơn đến mũi Cà mau bị chia thành 3 xứ với những chế độ cai trị khác nhau: *Nam kỳ là đất thuộc địa, Bắc kỳ là xứ bảo hộ và Trung kỳ là xứ lương trị* - sự phân chia đó không có nghĩa nào khác là tạo ra những nét khác biệt ở từng xứ, tạo điều kiện thuận lợi cho sự cai trị của chúng. Không dừng lại ở đấy, thực dân Pháp đã áp dụng nguyên tắc chia để trị trong tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Với các chương trình khai thác thuộc địa, xã hội truyền thống Việt Nam đã chịu sự tác động mạnh mẽ. Một cơ cấu xã hội mới hình thành, chổng lên trên xã hội truyền thống với những tôn giáo, những tập tục, những lễ thói hết sức đa dạng. Một xã hội phương Đông như nước ta vốn đã tồn tại những khác biệt về đẳng cấp, về tôn giáo, về phong tục tập quán, cộng thêm những khác biệt mà bọn thực dân cố tạo ra thì đó chính là mảnh đất màu mỡ cho chính sách chia để trị đơn hoa kết quả.

Đối lập với chính sách chia để trị của thực dân Pháp chỉ có thể là ý tưởng đồng tâm hiệp lực, đoàn kết hết thảy mọi người Việt Nam yêu nước không phân biệt giai cấp, tôn giáo, dân tộc cùng nhau đứng lên đánh đuổi bọn thống trị giành lại độc lập cho xứ sở.

2. Từ khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược, phong trào kháng Pháp dưới nhiều hình thức khác nhau chưa bao giờ ngừng nghỉ trên đất nước. Từ phong trào cần vương trong hệ tư tưởng phong kiến cuối thế kỷ XIX, qua các phong trào Đông Du, Duy Tân theo xu hướng tư sản nửa thế kỷ XX đến cuộc khởi nghĩa Yên Thế, phong trào xin xâu chống thuế ở Trung kỳ mang đậm tính chất quần chúng... các bậc anh hùng nghĩa hiệp thừa lòng yêu nước và lòng quả cảm, nhưng trước sau đến phải nhận lấy thất bại xót xa. Có nhiều nhân tố trong tình hình kinh tế - xã hội, chính trị - tư tưởng của đất nước lúc bấy giờ đã tạo ra *ngịch lý* đó. Những người đi sau, muốn cho sự nghiệp của mình không đi theo con đường những người đi trước, ắt phải nhìn vào thực tế đau đớn đó, tìm ra những giải pháp để *giải nghịch lý*. Với trí tuệ *mẫn tiệp* và tầm nhìn xa rộng. Hồ Chí Minh trong buổi đầu xuất hiện cũng đã đi theo hướng đó. Người thanh niên ấy đã trăn trở với biết bao câu hỏi lớn về vận mệnh của dân tộc: Tại sao các phong trào chống Pháp phải chịu thất bại, chân lý ở đâu và tìm đâu ra chân lý để cứu dân cứu nước? Cái vượt trội của Hồ Chí Minh chính là ở chỗ Người đã lục tìm trong lịch sử, đặc biệt là trong phong trào chống háp đương thời những cứ liệu xác đáng cho những ý tưởng mới mẻ của mình.

inh

Trong các phong trào chống Pháp từ đầu thế kỷ XX trở về trước, xét trên bình diện hệ tư tưởng, có hai thời đoạn rõ rệt: 1 - thuộc hệ tư tưởng phong kiến; 2 - thuộc hệ tư tưởng tư sản. Sự thất bại của các phong trào chống Pháp thuộc thời kỳ đầu có nét đặc trưng riêng là do sự ràng buộc của tư tưởng trung quân mù quáng đã làm vướng víu tầm nhìn của các văn thân sĩ phu, làm cho họ phân hóa thành 2 cực đối lập nhau, không có được sự thống nhất về ý chí và hành động. Các phong trào chống Pháp ở thời kỳ sau cũng chịu chung số phận như các phong trào trước đó chính vì những người cầm đầu không thấy được bản chất của chế độ thuộc địa nên không thể chỉ ra một cách đúng đắn đối tượng cần tập trung lực lượng để đánh đổ. Dù vậy, các phong trào chống Pháp cả 2 thời kỳ có chung một điểm yếu xuyên suốt, đó là sự thiếu vắng tổ chức chặt chẽ. Trong di sản lý luận của Hồ Chí Minh có rất ít tài liệu và mảng này. Qua Trần Dân Tiên, ta được biết trước khi chọn cho mình một hướng đi mới, Người đã phê phán các phong trào chống Pháp đương thời. Dù tài liệu ít ỏi nhưng tư tưởng phê phán chủ yếu của Hồ Chí Minh tập trung vào sự thiếu vắng một tổ chức vững chắc. Xin dẫn mấy đoạn:

"Trong tất cả các thuộc địa của Pháp, nạn nghèo đói đều tăng, sự phẫn uất ngày càng lên cao. Sự nổi dậy của nông dân bản xứ đã chín muồi. Trong nhiều nước thuộc địa, họ đã vài lần nổi dậy, nhưng lần nào cũng bị dập trong máu. Nếu hiện nay nông dân vẫn còn ở trong tình trạng tiêu cực, thì nguyên nhân là vì họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo" ⁽¹⁾ hoặc:

"Mục đích duy nhất của ông này (tức Phan Bội Châu - PX) là trả thù cho nước nhà đã bị bọn Pháp tàn sát. Ông ta không hiểu chính trị và lại càng không hiểu tổ chức quần chúng." ⁽²⁾

Trong một bài viết trên tờ *Thanh niên*, cơ quan của Việt Nam Thanh niên cách mạng Đồng chí Hội, Người đã thừa nhận các tổ chức cách mạng của ta và các cá nhân có rất nhiều nỗ lực, nhưng "chưa thể làm được gì cho cách mạng" bởi lẽ:

"Tổ chức của ta chưa chặt chẽ. Chẳng hạn, như Việt Nam Quang Phục hội, lúc mới thành lập khá mạnh nhưng tổ chức này thiếu tổ chức và các hội viên không thống nhất với nhau" ⁽³⁾.

Những ý tưởng trên của Hồ Chí Minh vừa là sự phê phán các phong trào cách mạng trước đó và cũng là bài học rút ra cho chính mình - không có một tổ chức vững chắc làm hạt nhân thì không thể mở rộng khối đoàn kết thống nhất được.

3. Chủ nghĩa yêu nước chân chính là hành trang chủ yếu của Hồ Chí Minh đi tìm chân lý. Trong cuộc hành trình vạn dặm tới chân lý, Người đã làm nhiều nghề, trước hết để kiếm sống, sau là để thâm nhập vào cuộc sống phong phú của nhân loại và rút ra những gì cần thiết cho chính mình. Trên nền tảng chủ nghĩa yêu nước chân chính mà hạt nhân của nó là sự đồng cảm với nhân dân mình, Người đã có một cách nhìn nhân loại rất mới. Trên thế giới con người có nhiều màu da, nhưng dưới lăng kính của sự đồng cảm, Người thấy một cách rõ ràng: "Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột" ⁽⁴⁾.

Chính thực tiễn thế giới rộng lớn mà Người đã thâm nhập vào để dẫn Người đến kết

luận trên và đến lượt nó, kết luận trên đưa Người tới một ý tưởng sáng chói xuyên suốt con đường Người theo đuổi: không những tập hợp những người bị áp bức bóc lột của nước mình, mà còn đoàn kết những người cùng cảnh ngộ trên toàn thế giới thành một mặt trận rộng lớn, vững chắc mới có thể đối lập, đương đầu, kháng cự lại trật tự, hiện hành và đi tới giải phóng. Người đã nói tới sự đoàn kết của những người bị áp bức bóc lột trên toàn thế giới như là điều kiện tiên quyết để cho con chim cách mạng bay cao, bay xa và mới có thể giết chết con dĩa - chủ nghĩa đế quốc bằng cách một lúc chặt đứt cả hai vôi. Hồ Chí Minh coi những hoạt động của Quốc tế cộng sản theo hướng này là những kinh nghiệm quý báu cho chính mình. Người đã hân hoan khi nói tới Đại hội các dân tộc phương Đông họp ở Bacu năm 1920 như một dấu hiệu tốt lành: "Đó là lần đầu tiên trong lịch sử, giai cấp vô sản ở các nước phương Tây đi xâm chiếm và giai cấp vô sản ở các nước bị xâm chiếm ở phương Đông đã thân mật nắm tay nhau và cùng nhau tìm cách đấu tranh có hiệu quả chống chủ nghĩa tư bản là kẻ thù chung của họ" (5).

Qua lăng kính của sự đồng cảm, với những gì thu lượm được qua những chuyến đi các nước khắp các châu lục, dần dần ở Hồ Chí Minh hình thành tư tưởng đoàn kết các dân tộc cùng cảnh ngộ (bị thống trị) và những người lao động của các nước có thuộc địa thành một mặt trận rộng lớn để đối đầu với chủ nghĩa đế quốc quốc tế.

Những vấn đề được đặt ra ở trên là cơ sở thực tiễn để hình thành tư tưởng đại đoàn kết ở Hồ Chí Minh - từ năm 1920, sau khi đã tìm được con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, Hồ Chí Minh tùy hoàn cảnh hoạt động của mình, đã từng bước thí nghiệm tư tưởng đoàn kết bằng việc thành lập tổ chức cách mạng của người Việt Nam yêu nước và các tổ chức quốc tế ở Pháp, ở Trung Quốc v.v... Trong một bài sau chúng tôi sẽ trình bày tiếp.

CHÚ THÍCH

(1) Hồ Chí Minh. Toàn tập. T. 1, ST, H. 1980, tr 230

(2) Hồ Chí Minh Sđd, tr 314

(3) Báo Thanh niên, số 6, ngày 26.7.1925

(4) Hồ Chí Minh, Sđd, tr 212

(5) Hồ Chí Minh Sđd, tr 249